TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 8 - 2018.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Sỹ Định.

2. Ông Lê Công Pháp.

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hoài Th, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ 3, thôn H, xã B, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoài N - Luật sư của Công ty Luật hợp danh Th thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: Số X, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 3, thôn H, xã B, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài Th trình bày:***

Chị Th và anh Phạm Văn H quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 19/02/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, anh H có đánh đập chị Th, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân theo chị Th thì do anh H thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến gia đình, chị Th có khuyên can nhưng anh H không thay đổi. Từ tháng 10/2017 vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Gia đình hai bên nội ngoại cũng đã khuyên giải, nhưng vợ chồng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Nay chị Th xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Phạm Văn H nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hoài Th trình bày vợ chồng có 02 người con chung là Phạm Thị Hoài Q, sinh ngày 29/7/2009 và Phạm Thị Hoài C, sinh ngày 23/11/2011 hiện đều đang sống với chị Th. Chị Th yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh Phạm Văn H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hoài Th trình bày vợ chồng có tài sản chung là số tiền 300.000.000 đồng đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh H. Theo chị Th đây là tài sản do vợ chồng có được trong quá trình làm ăn buôn bán tại nước Lào, do con nhỏ và vợ chồng đang sống hạnh phúc nên chị Th, anh H thống nhất gửi số tiền trên làm tiết kiệm. Anh Phạm Văn H là người gửi tiền và đứng tên trong sổ tiết kiệm. Nay chị Th yêu cầu Tòa án chia đôi số tiền 300.000.000 đồng, chị Th và anh H mỗi người nhận 150.000.000 đồng.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hoài Th trình bày vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Hoài Th đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Thị Hoài Th; bản sao sổ hộ khẩu gia đình mang tên Phạm Văn H; bản sao giấy khai sinh Phạm Thị Hoài Q, Phạm Thị Hoài C; đơn xin xác nhận (đăng ký hộ khẩu thường trú).

**** Đối với bị đơn anh Phạm Văn H:***

Tòa án nhân dân huyện P đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Phạm Văn H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Phạm Văn H, nhưng anh H đều vắng mặt. Cụ thể: anh H vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/4/2018, ngày 17/5/2018; vắng mặt tại phiên tòa ngày 09/8/2018 và tại phiên tòa hôm nay (20/8/2018).

Tòa án nhân dân huyện P đã tiến hành xác minh tại nơi ở của anh Phạm Văn H tại Tổ 3, thôn H, xã B, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, nội dung xác minh thông qua bà Lê Thị H thể hiện: Bà H là mẹ đẻ của anh Phạm Văn H, hiện anh H không có mặt tại gia đình, anh H đã đi qua nước Lào làm ăn từ tháng 5/2018 cho đến nay. Anh H có hộ khẩu riêng nhưng từ trước đến nay cùng sinh sống với bà H. Anh H có biết việc chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh H cũng đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do không hiểu biết pháp luật và bận công việc nên anh H chưa đến Tòa án làm việc theo yêu cầu. Bà H cam đoan thông báo trực tiếp cho anh Phạm Văn H biết để đến Tòa án làm việc. Sau khi hoãn phiên tòa ngày 09/8/2018, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Phạm Văn H thông qua bà Lê Thị H.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*** đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định; thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo; về thời hạn chuẩn bị xét xử bảo đảm đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục, trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài Th chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn H không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 29, 33, 39, khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; giải quyết:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hoài Th được ly hôn anh Phạm Văn H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao các con chung Phạm Thị Hoài Q, sinh ngày 29/7/2009 và Phạm Thị Hoài C, sinh ngày 23/11/2011 cho chị Nguyễn Thị Hoài Th chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị Th không

yêu cầu anh Phạm Văn H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Anh H được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hoài Th chia tài sản chung của vợ chồng số tiền anh Phạm Văn H đã gửi tiết kiệm 300.000.000 đồng; anh Hồng đã rút hết số tiền này nên cần chia đôi cho anh H và chị Th mỗi người một nửa; buộc bị đơn anh Phạm Văn H phải giao cho chị Nguyễn Thị Hoài Th 150.000.000 đồng.

Về nợ chung: Theo chị Th trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn H, cũng như thông qua mẹ đẻ của anh H là bà Lê Thị H. Tuy nhiên, bị đơn anh Phạm Văn H vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ các Điều 174, 175, 176, 177 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn H. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn H theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoài Th và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 19/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị Th và anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung giữa chị Th và anh H có hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng nhau. Chị Th và anh H đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Nay chị Th cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đối với anh H thì không đến Tòa án để làm việc, gây cản trở cho việc giải quyết vụ án của Tòa án, nên thủ tục hòa giải không thực hiện được. Chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh H là không thể khắc phục được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoài Th.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hoài Th và anh Phạm Văn H có 02 người con chung tên là Phạm Thị Hoài Q, sinh ngày 29/7/2009 và Phạm Thị Hoài C, sinh ngày 23/11/2011 hiện đang sống với chị Th. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với

người con chung Phạm Thị Hoài Q đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị Th. Trong khi đó, anh Phạm Văn H không có sự quan tâm đến các con chung. Do vậy, cần giao những người con chung Phạm Thị Hoài Q và Phạm Thị Hoài C cho chị Nguyễn Thị Hoài Th tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần. Chị Th không yêu cầu anh Phạm Văn H cấp dưỡng nuôi con, xét thấy, yêu cầu này của chị Th là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hoài Th đối với khoản tiền gửi tiết kiệm 300.000.000 đồng mà anh Phạm Văn H là người trực tiếp thực hiện giao dịch với Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh H (sau đây viết tắt là Vietcombank H). Tại Văn bản số 74/VCB.HUE-KT, ngày 09/3/2018 và Văn bản số 192/VCB.HUE-KT, ngày 16/7/2018, Vietcombank H xác nhận: "1. Ngày 02/3/2017, ông Phạm Văn H, số CMND 191514218, địa chỉ B, P, Thừa Thiên Huế đã đến Vietcombank Huế mở sổ tiết kiệm số 01598626, số tiền gửi 300.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng. 2. Ngày 05/01/2018, ông H đã đến Vietcombank H để làm hồ sơ vay cầm cố sổ tiết kiệm theo Hợp đồng cầm cố kiêm giấy nhận nợ số 06-2018/DVKH-CC ngày 05/01/2018 giữa Vietcombank H và ông Phạm Văn H, số tiền vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 56 ngày, ngày đến hạn 02/3/2018. Hợp đồng này đã tất toán vào ngày 02/3/2018. Ông H đến làm thủ tục vay tại Vietcombank H vào ngày 05/01/2018 (trước thời điểm bà Th gửi đơn ngày 17/01/2018) và Vietcombank H đã thực hiện các thủ tục cho vay đúng quy định. Do đó, tại thời điểm Vietcambank H cho vay đối với ông H thì Vietcombank H chưa nhận được bất kỳ đơn thư nào của bà Th. Khi đến hạn trả nợ, theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cho vay và quy định của pháp luật, Vietcombank H đã thu hồi vốn vay đối với ông H và tất toán khoản nợ vay đó vào ngày 02/3/2018. Kể từ ngày 02/3/2018 đến nay, Vietcombank H không còn quan hệ vay vốn với ông H nữa, nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện P không xác định và triệu tập Vietcombank H tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan".

Xét thấy, số tiền 300.000.000 đồng anh Phạm Văn H đã gửi tiết kiệm tại Vietcombank H là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa anh H và chị Th, nên Hội đồng xét xử xác định đây là tài sản chung của vợ chồng. Căn cứ các Điều 29, 33, 39, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 16 của Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 7 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp về Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài Th yêu cầu chia đôi số tiền này là có căn cứ, nên cần chấp nhận chia cho chị Th, anh H mỗi người được sở hữu 1/2 số tiền này tương đương 150.000.000 đồng. Anh Phạm Văn H đang sở hữu số tiền 300.000.000 đồng này, nên cần buộc anh H phải hoàn trả lại

cho chị Th 150.000.000 đồng. Đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh H (Vietcombank H) là bên thứ ba giao dịch ngay tình đối với khoản tiền gửi tiết kiệm nói trên. Văn bản xác nhận của Vietcombank H xác định giao dịch này đã được tất toán kể từ ngày 02/3/2018, không còn phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa Vietcombank H với anh H, chị Th. Ý kiến của Vietcombank H đề nghị Tòa án không xác định và triệu tập Vietcombank H tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài Th trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung. Bị đơn anh Phạm Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Các Điều 29, 33, 39, khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 16 của Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 7 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài Th; chị Nguyễn Thị Hoài Th được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về việc nuôi con: Giao các con chung Phạm Thị Hoài Q, sinh ngày 29/7/2009 và Phạm Thị Hoài C, sinh ngày 23/11/2011 cho chị Nguyễn Thị Hoài Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

* Về tài sản chung: Buộc anh Phạm Văn H phải giao cho chị Nguyễn Thị Hoài Th số tiền 150.000.000 đồng.

* Về nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài Th trình bày không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng các điểm a, b khoản 5 Điều 27; tiểu mục 1.1, 1.3 khoản 1 mục I phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

* Đối với án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Hoài Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/001785, ngày 18/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

* Đối với án phí chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hoài Th và anh Phạm Văn H mỗi người phải chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài Th có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Pc;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đương sự;
- UBND xã B, huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú